

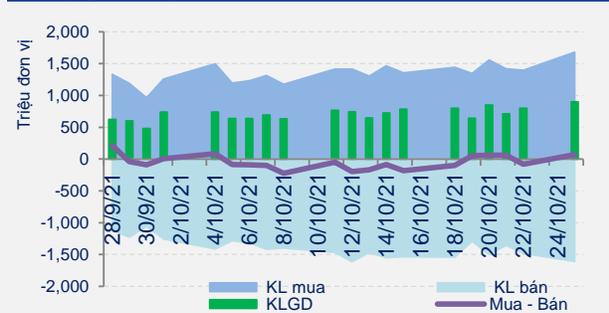
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,385.40	395.88
% Thay đổi	↓ -0.28%	↑ 1.19%
KLGD (CP)	899,256,607	152,543,928
GTGD (tỷ đồng)	27,098.22	3,482.79
Tổng cung (CP)	1,606,287,800	215,194,900
Tổng cầu (CP)	1,679,240,000	199,756,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	45,664,835	1,635,793
KL mua (CP)	25,753,235	544,200
GT mua (tỷ đồng)	1,007.25	9.05
GT bán (tỷ đồng)	2,222.91	40.81
GT ròng (tỷ đồng)	(1,215.66)	(31.76)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.79%	24.5	3.9	2.0%
Công nghiệp	↑ 0.51%	20.2	3.0	11.3%
Dầu khí	↑ 1.80%	18.2	2.0	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.17%	-	4.8	4.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.45%	17.9	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.15%	21.3	4.2	6.2%
Ngân hàng	↓ -0.83%	11.2	2.1	14.6%
Nguyên vật liệu	↓ -1.09%	14.2	3.0	23.9%
Tài chính	↑ 0.52%	18.5	3.2	32.9%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.01%	17.3	3.1	2.1%
VN - Index	↓ -0.28%	16.9	2.8	
HNX - Index	↑ 1.19%	23.0	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index giảm 3,84 điểm (-0,28%) xuống 1.385,40 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 200 mã tăng, 47 mã tham chiếu, 240 mã giảm. HNX-Index tăng 4,67 điểm (+1,19%) lên 395,88 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 148 mã tăng, 39 mã tham chiếu, 100 mã giảm. Thanh khoản trên hai sàn trong phiên hôm nay tăng đáng kể so với phiên trước đó với khối lượng 1.085 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị 30.581 tỷ đồng. VnIndex giao dịch trong biên độ hẹp phiên hôm nay, sau đó các cổ phiếu vốn hóa lớn chịu áp lực bán mạnh khiến chỉ số đảo chiều về cuối phiên. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, thép, và chứng khoán có diễn biến kém tích cực trong phiên hôm nay. Trong khi đó, dòng tiền có xu hướng đổ vào các cổ phiếu bất động sản và xây dựng như VHM (+0,6%), KDH (+2,31%), IJC (+3,3%), BCG (+3,0%), HDC (+2,4%), DPG (+1,7%), HTN (+7,0%)... Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu dự kiến được SCIC thoái vốn đồng loạt tăng trần BVH (+7,0%), BMI (+7,0%), NTP (+9,9%); hay nhóm cổ phiếu ngành đá với C32 (+7,0%), DHA (+1,2%), NNC (+6,9%), KSB (+1,2%)... cũng có phiên giao dịch tích cực.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index kết phiên đầu tuần giảm 0,26% trong khi VN30 diễn biến tiêu cực hơn với mức giảm 0,79%. Khối lượng giao dịch trên HOSE tăng 16,24%, riêng với nhóm VN30 tăng mạnh 59,21% so với phiên trước và cao hơn mức trung bình cho thấy áp lực bán ngắn hạn khá mạnh khi VN30 mất vùng hỗ trợ quanh mốc 1.480 điểm.

Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng ngắn hạn của VN-INDEX vẫn duy trì tăng trưởng với hỗ trợ gần nhất là vùng 1.380+-, tương ứng đỉnh giá tháng 08/2021 vừa vượt qua, vùng hỗ trợ tiếp theo quanh mốc 1.373+- tương ứng vùng giá trung MA20. Nhiều khả năng VNINDEX sẽ rung lắc điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá hỗ trợ 1.373-1.380 trong các phiên sắp tới. Nhà đầu tư đang có các cổ phiếu có đà tăng giá ngắn hạn tốt có thể tiếp tục nắm giữ và quan sát diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm gần như toàn bộ thời gian giao dịch, tuy nhiên lại chịu áp lực bán mạnh về cuối phiên khiến VN-Index đóng cửa mức thấp nhất trong phiên. Kết phiên, VN-Index giảm 3,84 điểm (-0,28%) xuống 1.385,40 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG giảm 1.600 đồng, TCB giảm 1.400 đồng, TPB giảm 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, GVR tăng 1.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch với mức cao nhất trong phiên tại 397,46 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 4,67 điểm (+1,19%) lên 395,88 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: IDJ tăng 4.700 đồng, L14 tăng 11.700 đồng, IDC tăng 3.500 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS giảm 900 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.190 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 20 triệu cổ phiếu. VJC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 417,2 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 141,3 tỷ đồng tương ứng với 2,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 40,6 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 31,8 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1 triệu cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,1 tỷ đồng tương ứng với 245 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là IDJ với 4,2 tỷ đồng tương ứng với 81,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,1 tỷ đồng tương ứng với 97,6 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index phiên đầu tuần 25/10/2021 kết phiên ở mức 1385,40 điểm, giảm -0,26% dưới ảnh hưởng tiêu cực của VN30. VN30 kết phiên ở mức 1476,97 điểm, giảm -0,79%. Khối lượng giao dịch VNINDEX tăng 16,24%, khối lượng VN30 tăng mạnh 59,21% so với phiên trước và trên mức trung bình. Cho thấy áp lực bán ngắn hạn mạnh khi VN30 mất vùng hỗ trợ trung bình MA20_1480+-. Trong khi đó VNINDEX đang điều chỉnh kiểm vùng đỉnh cũ tháng 08/2021 là 1380+-.

Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng ngắn hạn của VNINDEX vẫn duy trì tăng trưởng với hỗ trợ gần nhất là vùng 1380+-, tương ứng đỉnh giá tháng 08/2021 vừa vượt qua, hỗ trợ tiếp theo 1373+- tương ứng vùng giá trung MA20. VN30 suy yếu khi mất hỗ trợ MA20 và dự kiến trong phiên tiếp theo VN30 sẽ có phục hồi kiểm tra lại vùng giá 1480+-, tương ứng MA20. VNINDEX sẽ rung lắc điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá 1373-1380. Thị trường phân hóa rất mạnh và chỉ số vẫn chịu ảnh hưởng lớn của nhóm ngân hàng vốn chiếm 24% vốn hóa toàn thị trường, cũng như VN30 chiếm 54% vốn hóa. Do đó nhà đầu tư cần xem xét bố trí danh mục đầu tư hợp lý khi trong thị trường vẫn duy trì khá nhiều cổ phiếu sinh lợi ngắn hạn tốt.



TIN TRONG NƯỚC

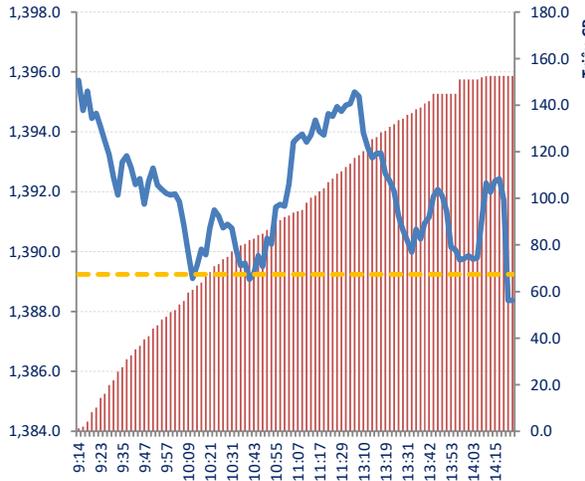
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,45 - 58,20 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở cả chiều mua vào và chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 25/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.136 VND/USD, giảm 6 đồng so với ngày 23/10.

TIN QUỐC TẾ

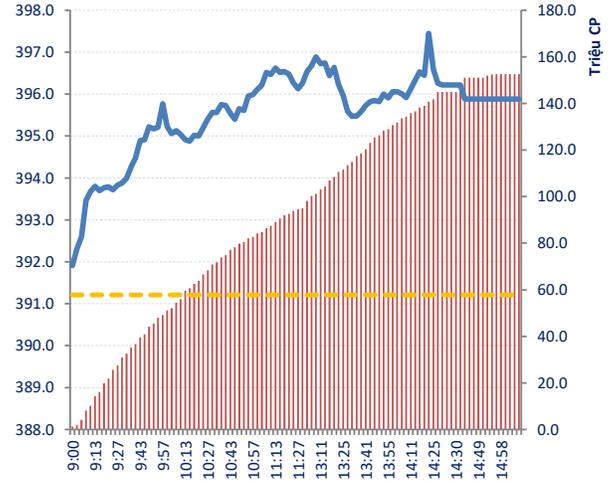
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,61 USD/ounce tương ứng với 0,48% lên 1.803,01 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,066 điểm tương ứng 0,07% xuống 93,576 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1649 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3780 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,60 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,26 USD/thùng tương ứng với 1,50% lên 83,76 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, chỉ số Dow Jones tăng 74 điểm (tương đương 0,2%) lên 35.677,02 điểm, mức đóng cửa cao kỷ lục đầu tiên kể từ ngày 16/8. Chỉ số S&P 500 giảm 0,1% xuống 4.544,90 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite giảm 0,8% xuống 15.090,20 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

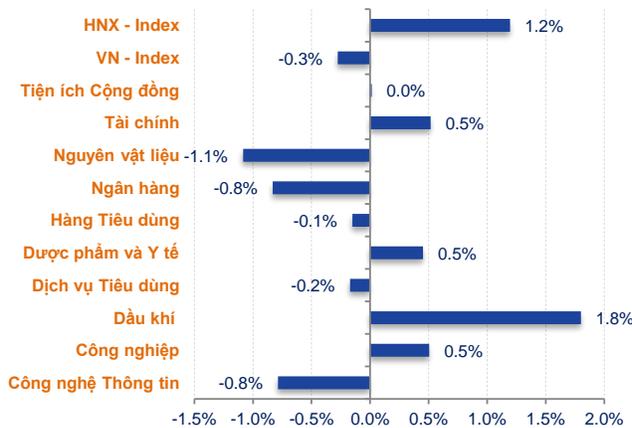
KLGD và VN-Index trong phiên



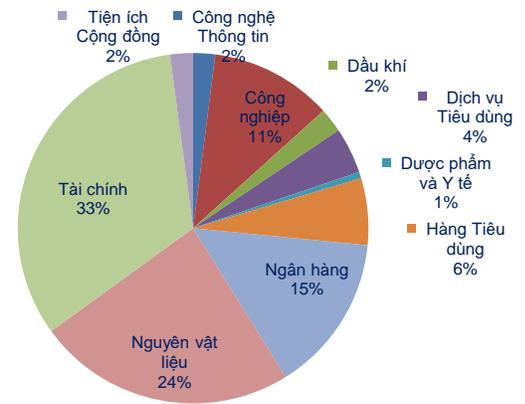
KLGD và HNX-Index trong phiên



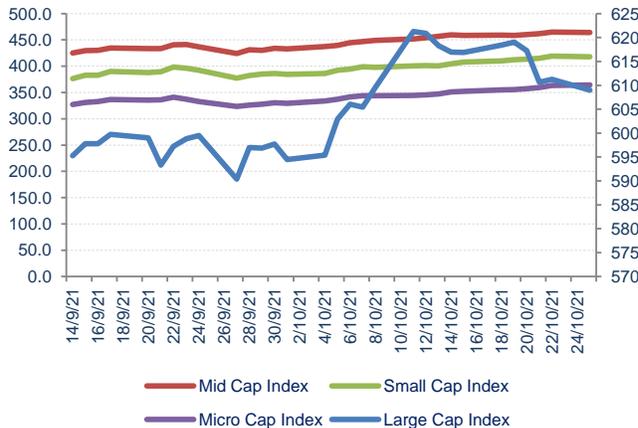
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



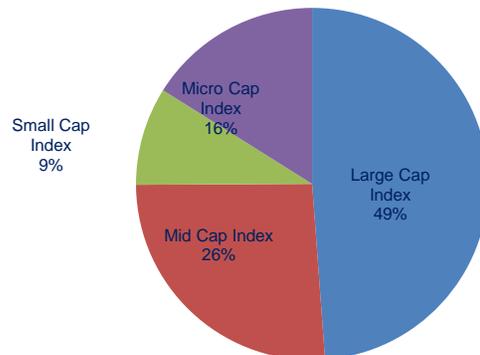
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,368,100	VJC	3,146,100
2	E1VFN30	707,800	HPG	2,529,000
3	HQC	638,900	NLG	2,106,700
4	FUEVFVND	581,800	PC1	1,534,400
5	GVR	488,300	KBC	1,449,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	97,600	TNG	245,800
2	LAS	48,400	TC6	223,800
3	TV4	36,900	BII	206,900
4	MAC	27,500	HUT	142,000
5	PVL	18,000	IDJ	81,430

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	56.70	55.10	↓ -2.82%	41,605,900
HQC	4.57	4.75	↑ 3.94%	32,311,600
TCB	52.30	50.90	↓ -2.68%	29,749,614
SHB	27.60	26.95	↓ -2.36%	21,912,600
TDH	12.05	12.80	↑ 6.22%	20,616,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NDN	21.50	23.00	↑ 6.98%	8,882,998
PVS	28.60	29.00	↑ 1.40%	7,758,645
IDC	62.80	66.30	↑ 5.57%	7,549,802
TVC	18.00	19.00	↑ 5.56%	6,933,115
HUT	11.10	11.50	↑ 3.60%	6,773,552

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAF	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
HU1	12.15	13.00	0.85	↑ 7.00%
C32	34.30	36.70	2.40	↑ 7.00%
BMI	41.60	44.50	2.90	↑ 6.97%
TLD	7.90	8.45	0.55	↑ 6.96%

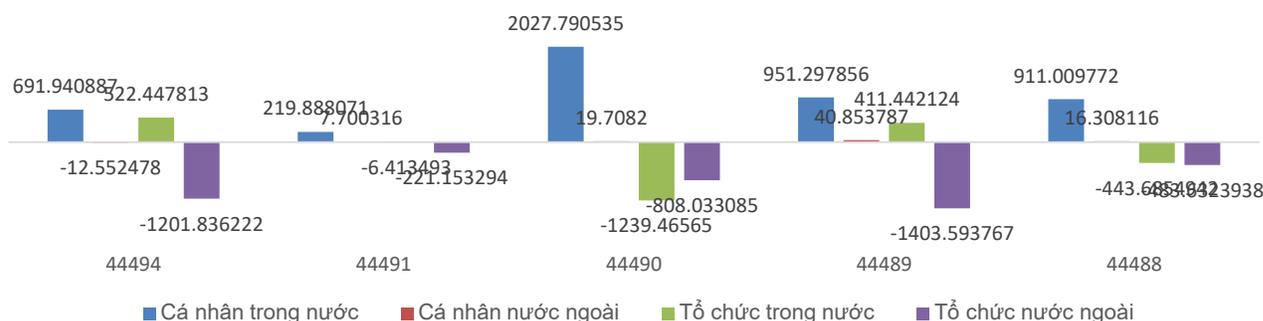
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCG	20.60	75.50	54.90	↑ 266.50%
NBP	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
L18	44.00	48.40	4.40	↑ 10.00%
VNR	39.00	42.90	3.90	↑ 10.00%
TKC	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L10	25.90	24.10	-1.80	↓ -6.95%
HRC	59.20	55.10	-4.10	↓ -6.93%
VAF	15.90	14.80	-1.10	↓ -6.92%
PXI	4.41	4.11	-0.30	↓ -6.80%
VCF	257.00	240.00	-17.00	↓ -6.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SEB	55.00	49.50	-5.50	↓ -10.00%
CJC	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
LCD	21.60	19.50	-2.10	↓ -9.72%
PSC	19.60	17.70	-1.90	↓ -9.69%
TTZ	6.20	5.60	-0.60	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	238.35	39.5%	5,614	10.1	3.4
SSI	97.65	16.5%	2,058	19.0	2.3
NLG	95.97	13.2%	3,739	14.5	1.6
NKG	90.11	39.2%	6,635	8.3	2.2
KBC	64.08	7.1%	1,677	26.0	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-73.96	21.3%	4,965	10.5	2.1
TPB	-64.92	23.1%	4,366	9.9	2.0
VHM	-49.00	36.9%	7,774	10.0	2.6
CTG	-38.79	18.5%	3,414	8.7	1.2
VHC	-33.09	14.7%	4,396	14.1	2.0

Top Mua ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
IJC	2.28	25.8%	3,971	8.0	2.2
LCG	2.13	19.6%	2,896	5.8	1.0
PC1	1.61	13.7%	3,649	11.2	1.3
GAS	1.48	16.3%	4,178	26.8	4.5
VSC	1.42	12.5%	5,035	13.7	1.7

Top Bán ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-3.36	4.5%	1,600	57.4	2.2
TCH	-3.35	9.3%	1,925	8.8	0.7
PAN	-2.76	3.6%	1,049	28.6	1.0
TCM	-2.16	17.2%	3,941	19.0	3.2
PVD	-2.08	0.0%	2	15,650.6	0.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	456.33	1.0%	281	469.7	4.2
VHM	119.34	36.9%	7,774	10.0	2.6
TCB	69.39	21.3%	4,965	10.5	2.1
TPB	64.92	23.1%	4,366	9.9	2.0
TDH	30.14	5.3%	1,149	10.5	0.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-97.68	39.5%	5,614	10.1	3.4
SSI	-90.63	16.5%	2,058	19.0	2.3
NKG	-73.54	39.2%	6,635	8.3	2.2
DCM	-48.16	11.6%	1,431	23.2	2.6
TVB	-39.96	27.6%	2,846	8.0	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	42.52	18.5%	3,414	8.7	1.2
VHC	29.98	14.7%	4,396	14.1	2.0
GAS	23.97	16.3%	4,178	26.8	4.5
DHC	19.16	37.0%	7,487	12.6	3.4
GVR	19.00	10.2%	1,307	29.3	2.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	-443.89	1.0%	281	469.7	4.2
HPG	-142.05	39.5%	5,614	10.1	3.4
NLG	-114.95	13.2%	3,739	14.5	1.6
VHM	-69.54	36.9%	7,774	10.0	2.6
KBC	-64.50	7.1%	1,677	26.0	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	41,605,900	39.5%	5,614	9.8	3.3
HQC	32,311,600	3250.0%	9	522.3	0.5
TCB	29,749,614	21.3%	4,965	10.3	2.0
SHB	21,912,600	15.7%	2,045	13.2	2.0
TDH	20,616,600	5.3%	1,149	11.1	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NDN	8,882,998	39.3%	5,275	4.4	1.6
PVS	7,758,645	4.4%	1,187	24.4	1.1
IDC	7,549,802	11.3%	1,684	39.4	4.2
TVC	6,933,115	24.2%	4,062	4.7	0.9
HUT	6,773,552	-10.1%	(1,121)	-	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LAF	↑ 7.0%	20.0%	2,154	9.9	1.9
HU1	↑ 7.0%	3.1%	471	27.6	0.9
C32	↑ 7.0%	9.8%	3,620	10.1	1.0
BMI	↑ 7.0%	9.8%	2,028	21.9	1.8
TLD	↑ 7.0%	4.2%	514	16.4	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SCG	↑ 266.5%	23.2%	2,952	25.6	6.0
NBP	↑ 10.0%	4.7%	951	17.3	0.9
L18	↑ 10.0%	5.2%	820	59.1	3.4
VNR	↑ 10.0%	11.9%	2,481	17.3	1.8
TKC	↑ 10.0%	9.4%	1,453	8.3	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,368,100	18.5%	3,414	8.8	1.2
EVFN3	707,800	N/A	N/A	N/A	N/A
HQC	638,900	0.1%	9	522.3	0.5
UEVFN	581,800	N/A	N/A	N/A	N/A
GVR	488,300	10.2%	1,307	30.1	3.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	97,600	-3.1%	(411)	-	0.9
LAS	48,400	5.5%	627	35.7	1.9
TV4	36,900	15.7%	1,668	10.6	1.5
MAC	27,500	-2.2%	(254)	-	0.8
PVL	18,000	1.1%	53	135.1	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	350,460	4.5%	1,600	57.6	2.2
VCB	349,005	20.6%	5,533	17.0	3.3
VHM	341,818	36.9%	7,773	10.1	2.6
HPG	246,458	39.5%	5,614	9.8	3.3
GAS	214,362	16.3%	4,178	26.8	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,150	33.9%	6,555	34.9	14.0
KSF	23,130	8.8%	780	98.8	3.9
VCS	20,176	42.1%	10,726	11.8	4.8
IDC	19,890	11.3%	1,684	39.4	4.2
BAB	16,192	8.6%	979	22.0	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.70	22.7%	3,586	16.6	3.4
VDS	2.43	31.0%	3,666	8.6	2.2
BSI	2.22	17.7%	2,241	14.0	2.3
IJC	2.17	25.8%	3,971	8.3	2.2
CTS	2.12	19.5%	2,677	10.2	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	3.37	22.8%	1,893	19.0	3.2
HBS	3.32	1.2%	140	89.0	1.1
ART	2.86	0.3%	32	306.8	0.8
MBS	2.70	17.0%	1,989	16.3	2.8
PSI	2.63	2.9%	300	46.3	1.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
